| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ VĨNH LONG**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 88 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/12/2024
V/v Xin ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm
*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Ngụy Mộng Cầm
2. Ông Châu Thanh Tân

**- Thư ký phiên tòa**: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa**: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 11 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 337/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1983, nơi cư trú: Số G, Khóm D, phường C, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. ( Có mặt)

2. *Bị đơn*: Anh Phạm H, sinh năm 1976 nơi cư trú: Số G, Khóm D, phường C, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. ( Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị* Phạm Thị Thanh T *trình bày:*

Năm 2006 Chị T và anh H quen biết nhau nên tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Lúc mới sống chung chị và anh H về nơi cư trú của anh H đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi được cấp giấy chứng nhận ngày 08/02/2006, sau đó anh chị về địa chỉ Số G, Khóm D, phường C, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long sinh sống cho đến nay.

Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh H có 02 con chung tên Phạm Thị Thanh N, sinh ngày 25/02/2007 và cháu Phạm Hoàng K, sinh ngày 21/3/2018, hiện con chung đang do chị T nuôi dưỡng.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẩn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, không đồng thuận trong cách sinh hoạt, anh H thường xuyên nhậu nhẹt về chửi mắng chị T và cả gia đình, đập đồ đạc sinh hoạt trong nhà, không phụ chị T nuôi dạy con cái, mỗi khi anh H nhậu say chửi mắng làm cho tinh thần chị T và các con rất hoảng loạn ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống sinh hoạt, các con học hành sa sút, chị T nhiều lần khuyên anh H thay đổi nhưng anh H không thay đổi nên vợ chồng không có tiếng nói chung, lâu dần không còn tình cảm với nhau, chị và anh H sống chung một nhà nhưng đã sống ly thân hơn một năm nay. Chị T đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Phạm Huynh .

Về nuôi dưỡng con chung: Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Thanh N, sinh ngày 25/02/2007 và cháu Phạm Hoàng K, sinh ngày 21/3/2018, yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4 triệu đồng/2 cháu cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Ý kiến trình bày của bị đơn anh* Phạm H: Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn anh H hoàn toàn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án.

* Ý kiến trình bày của cháu Phạm Thị Thanh N là mong muốn sống chung với mẹ.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Phạm Huynh . Về nuôi dưỡng con chung: Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Thanh N, sinh ngày 25/02/2007 và cháu Phạm Hoàng K, sinh ngày 21/3/2018, yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4 triệu đồng/2 cháu cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 11/12/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long giải quyết ly hôn Anh P, sinh năm 1976 nơi cư trú: Số G, Khóm D, phường C, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành Phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ dự phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham dự phiên tòa sơ thẩm cho anh Phạm H đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh H hoàn toàn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay vắng mặt anh H. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Phạm Huynh .

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân chị Phạm Thị Thanh T và anh Phạm H có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi được cấp giấy chứng nhận ngày 08/02/2006 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu ly hôn của chị T là hoàn toàn có cơ sở. Bởi vì, về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H trầm trọng là đúng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại anh chị đã sống ly thân, anh H đã được triệu tập tham gia phiên hòa giải nhưng không tham gia và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của chị T, nên không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phạm Thị Thanh T được ly hôn với anh Phạm Huynh .

[2.2] Về nuôi dưỡng con chung: Cháu Phạm Thị Thanh N, sinh ngày 25/02/2007 và cháu Phạm Hoàng K, sinh ngày 21/3/2018 chị T yêu cầu nuôi dưỡng. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và cháu K của chị T là hoàn toàn có cơ sở, bởi vì từ khi chị T và anh H sống ly thân đến nay cháu N, cháu K do chị T nuôi dưỡng cũng đảm bảo tốt mọi mặt đời sống vật chất, tinh thần cho cháu N, cháu K, nguyện vọng của cháu N muốn sống chung với mẹ. Anh H không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu N và cháu K mỗi tháng 4.000.000đồng/2 cháu, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 11/12/2024 cho đến khi cháu N, cháu K đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu này Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi thụ lý vụ án đến nay phía anh H hoàn toàn không có văn bản hay ý kiến gì gửi cho Tòa án về vấn đề chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, củng như mức cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, theo trình bày của chị T thì anh H làm nghề đá hoa cương thu nhập mỗi ngày hơn 300.000đồng, trong thời kỳ hôn nhân hàng tháng anh H đưa cho chị T mỗi tháng số tiền là khoảng 8.000.000đồng để nuôi con và sinh hoạt trong gia đình. Căn cứ Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về

hôn nhân và gia đình quy định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, mức cấp dưỡng không thấp hơn một nữa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người. Căn cứ Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và phụ lục kèm theo thì nơi cháu N, cháu K sinh sống thuộc vùng II có mức lương tối thiểu là 4.410.000 đồng/tháng (½ mức lương tối thiểu vùng là 2.205.000 đồng) Cho nên về mức cấp dưỡng mà chị T yêu cầu cấp dưỡng mỗi cháu số tiền 2.000.000 đồng/ tháng tuy thấp hơn quy định nhưng là sự tự nguyện của chị T và phù hợp theo quy định pháp luật, phù hợp với thu nhập thực tế của anh Phạm H nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Thanh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Chị Phạm Thị Thanh T phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Phạm H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, 56 và Điều 81, 82, 83, 84,110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5, điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thanh T đối với anh Phạm Huynh . Cho chị Phạm Thị Thanh T ly hôn với anh Phạm Huynh .

2. Về nuôi dưỡng con chung: Giao Cháu Phạm Thị Thanh N, sinh ngày 25/02/2007 và cháu Phạm Hoàng K, sinh ngày 21/3/2018 cho chị Phạm Thị Thanh T nuôi dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phạm H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Thị Thanh N, sinh ngày 25/02/2007 mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ 11/12/2024 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi; Buộc anh Phạm H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Hoàng K, sinh ngày 21/3/2018 mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng ( Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ 11/12/2024 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi;

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Thanh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị Thanh T phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo lai thu số No 0007274 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Vĩnh Long. Vậy chị Phạm Thị Thanh T đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Buộc anh Phạm H phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND. Tỉnh Vĩnh Long 01;
- VKSND.TP. Vĩnh Long 01;
- Chi cục THADS. TP Vĩnh Long 01;
- UBND xã Phổ Phong 01;
- Các đương sự 02;
- Lưu hồ sơ 03.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hồng Diễm**